

Bản án số: 29/2024/HS-ST
Ngày 02 tháng 4 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phí Thị Phương Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mai - Giáo viên nghỉ hưu;

Ông Nguyễn Lâm Tới - Phó Chủ tịch Hội cựu chiến binh phường Chi Lăng, thị xã Tịnh Biên.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 21/2024/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/HSST-QĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên đối với bị cáo:

Chau Sóc K, sinh ngày 26-11-2005 tại **T, An Giang**; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: **tổ A, ấp A, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: làm ruộng; đảng, đoàn: không; cha là **Chau Sóc K1**, sinh năm 1984, mẹ là **Neàng Kim L** (chết); anh, chị em ruột có 03 người, bị cáo là người thứ nhất; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Ông **Chau Sóc K1**, sinh năm 1984, nơi cư trú: **tổ A, ấp A, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang**; (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Trần Phước T**, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp Pháp lý nhà nước tỉnh A; địa chỉ: **số H đường L, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang**; (có mặt).

Bị hại: Ông **Lê Văn S**, sinh năm 1996, nơi cư trú: **tổ A, ấp A, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang**; (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Bà Lê Hồ Bích H, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm pháp lý Nhà nước tỉnh A; địa chỉ: số H đường L, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Châu Quít T1, sinh năm 1990, nơi cư trú: tổ A, ấp A, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

Người làm chứng: Chau Điệp, sinh năm 1994; Châu Bô R, sinh năm 1989; Nguyễn Kim V, sinh năm 1974; Châu Chanh N, sinh năm 1999 (tất cả đều vắng mặt).

Người phiên dịch cho bị cáo: Ông Châu Xi N1 - Cộng tác viên phiên dịch tiếng Khmer (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 03-12-2022, Châu Sóc K cùng Châu Quít T1, Châu Bô R, Châu Đ và Lê Văn S uống bia tại quán N2 thuộc ấp A, xã A, huyện (nay là thị xã) Tịnh Biên. Trong lúc uống bia, K nói chuyện xưng hô mày tao nên S nhắc nhở nói K nhỏ tuổi nhất đừng xưng hô mày tao. Tức giận, K bỏ ra ngoài lấy cây dao dài khoảng 45 cm (dao K cất giấu sẵn cách đây một tháng tại bụi cỏ, cách quán Ngọc A khoảng 20m) rồi ngồi trước đường hẻm cặp quán Ngọc A đợi S ra để chém. Khoảng 20 phút sau, S, T1, Đ, R nghỉ uống bia và đi vào đường hẻm cặp quán khoảng 10m thì S, T1 đứng nói chuyện, khi này K liền cầm cây dao trên tay phải, từ phía sau đi đến chém 01 nhát từ trên xuống trúng đầu S làm sứt cán dao, lưỡi dao dính trên đầu S rồi K bỏ chạy. Lúc này, S nghĩ là T1 kêu K mang dao lại chém mình nên S rút lưỡi dao dính trên đầu chém 01 nhát trúng vào vùng cổ bên trái của T1 gây thương tích. Sau đó, S được đưa đến Trung tâm Y tế huyện T để khâu vết thương.

Kết luận giám định pháp y về thương tích số 60/23/TgT ngày 28-3-2023 của Trung tâm pháp y tỉnh A, kết luận: Lê Văn S, sinh năm 1996, địa chỉ: ấp A, xã A, huyện T, tỉnh An Giang:

- Dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo đỉnh - chàm phải, nằm xiên, kích thước (10 x 0.2)cm, sẹo thẳng, hơi lõm, màu hồng, bờ sắc gọn, hai góc nhọn;
- + Nứt sọ đỉnh - chàm phải, tương ứng với sẹo bên ngoài;
- + Máu tụ ngoài màng cứng thái dương phải, điều trị nội khoa.
- Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể hiện tại là 16%;
- Kết luận khác: Thương tích trên do vật sắc gây nên.

Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 529/23/TgT ngày 30-7-2023 của Trung tâm pháp y tỉnh A, kết luận: Châu Quít T1, sinh năm 1990, địa chỉ: ấp A, xã A, huyện T, tỉnh An Giang:

- Dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo vùng cổ trái nằm xiên kích thước (6.5 x 0.1)cm, bờ sắc gọn, hồng, phẳng, hai góc nhọn.

- Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tất cả thương tích gây nên là 04%.

- Kết luận khác: Thương tích trên do vật sắc gây nên.

Vật chứng thu giữ: 01 lưỡi dao bằng kim loại, dài 45cm của bị cáo **K**.

Kết quả khám nghiệm hiện trường, bản ảnh đã lưu giữ và bản ảnh xem xét dấu vết trên thân thể phù hợp với nội dung vụ án đã nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại **S** yêu cầu bị cáo **Chau Sóc K** bồi thường chi phí điều trị là 20.000.000 đồng. Ông **Chau Sóc K1** (là cha đẻ của bị cáo **K**) đã bồi thường được 11.500.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 23/CT-VKSTB-HS ngày 31-01-2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên truy tố bị cáo **Chau Sóc K** về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là Bộ luật Hình sự năm 2015).

Tại phiên tòa,

Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi như nội dung cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát đã công bố. Đồng thời cho biết, việc bị cáo sử dụng cây dao (loại dao làm cá) gây thương tích cho bị hại **S** xuất phát từ việc tức giận trong lúc ngồi uống bia **S** nhắc nhở bị cáo không được xung hô mà y tao, bị cáo chỉ chém một nhát nhằm gây thương tích cho **S** rồi bỏ chạy, không xác định sẽ chém vào chỗ nào trên cơ thể bị hại, bị cáo không bị ai khác xúi giục và không ai biết bị cáo có ý định gây thương tích cho **S**; con dao bị cáo sử dụng để chém bị hại là do bị cáo mua, cất giấu để sử dụng vào việc làm rẫy của gia đình. Bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại tổng số tiền là 20.000.000 đồng.

Ông **Chau Sóc K1** cho biết: Sau khi sự việc xảy ra, bị hại có đến bệnh viện để khâu vết thương, không có nằm điều trị và ông đã bồi thường chi phí điều trị cho bị hại **S** số tiền 11.500.000 đồng, được bị cáo viết giấy xác nhận; quá trình chuẩn bị xét xử ông đã bồi thường thêm cho bị hại **S** số tiền 5.500.000 đồng, tổng cộng đã bồi thường được 17.000.000 đồng nhưng không có lập biên nhận, ông không yêu cầu bị cáo hoàn trả đối với số tiền đã bồi thường cho bị hại, hiện sức khỏe của bị hại ổn định, lao động bình thường, đồng ý bồi thường số tiền còn lại cho bị hại **S**.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng vắng mặt đều khai phù hợp với nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 91; Điều 98; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm

2015 xử phạt bị cáo **Chau Sóc K** từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; các Điều 584, 585, 586 và 590 Bộ luật Dân sự năm 2015, ghi nhận sự thỏa thuận của ông **K1** và bị cáo tại phiên tòa, đồng ý bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho bị hại **S** số tiền 20.000.000 đồng, xác nhận ông **Chau Sóc K1** đã bồi thường được 11.500.000 đồng và có trách nhiệm bồi thường thêm số tiền còn lại. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 lưỡi dao bằng kim loại đã thu giữ.

Quan điểm bào chữa của người bào chữa cho bị cáo **Chau Sóc K**: Đồng ý với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc truy tố bị cáo **Chau Sóc K** về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015; thống nhất các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về nhân thân bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, học lực thấp nên hạn chế trong nhận thức pháp luật, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên đề nghị xử phạt bị cáo theo mức hình phạt thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Bị cáo **Chau Sóc K** nhất trí với bản luận cứ bào chữa nêu trên của người bào chữa, đồng thời không bào chữa bổ sung gì khác. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Quan điểm bảo vệ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại **Lê Văn S**: Thống nhất về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và khung hình phạt như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, đề nghị xử phạt bị cáo theo mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị để nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Ông **Chau Sóc K1** đề nghị xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Trong phần đối đáp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên cho rằng: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến sức khỏe của bị hại, gây mất trật tự trị an tại địa phương; bên cạnh đó, hành vi của bị cáo thể hiện tính côn đồ, hung hăng; nhằm đảm bảo mục đích giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội nên vẫn giữ nguyên quan điểm như đã đề nghị tại bản luận tội nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và quyết định.

Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị hại **Lê Văn S**, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Chau Quít T1**, những người làm chứng **Chau Điệp**, **Chau Bô R**, **Nguyễn Kim V**, **Chau Chanh N** đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không rõ lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử của vụ án. Căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 03-12-2022, tại **đường H** thuộc khu vực **ấp A**, **xã A**, **thị xã T**, **tỉnh An Giang**, bị cáo **Chau Sóc K** đã có hành vi dùng dao (loại dao làm cá) lưỡi bằng kim loại chém một nhát từ trên xuống trúng vào vùng đầu của bị hại **S** làm sứt cán dao, lưỡi dao dính trên đầu của bị hại rồi bỏ chạy, gây tổn hại sức khỏe của bị hại là 16% theo Kết luận giám định pháp y về thương tích số 60/23/TgT ngày 28-3-2023 của **Trung tâm pháp y tỉnh A**. Đồng thời, công cụ mà bị cáo sử dụng để gây thương tích cho bị hại là dao (loại dao làm cá), đây là hung khí nguy hiểm.

Hành vi nêu trên của bị cáo **Chau Sóc K** đã phạm tội “Cố ý gây thương tích”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 06 năm (tội phạm nghiêm trọng).

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của con người; đến quyền tự do thân thể của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn cho xã hội, làm quần chúng nhân dân lên án và bất bình.

[4] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo xuất thân từ thành phần nhân dân lao động, trước khi phạm tội là người có nhân thân tốt vì chưa có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên, hành vi được thực hiện với lỗi cố ý; động cơ, mục đích của tội phạm là dùng hung khí nguy hiểm nhằm gây tổn hại cho sức khỏe của người khác; chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt trong lúc nói chuyện qua lại, bị cáo sử dụng hung khí nguy hiểm nhằm gây thương tích cho bị hại, thể hiện tính côn đồ hung hãn của bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Không.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và thực sự ăn năn hối cải; gia đình bị cáo đã thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 11.500.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo là người dân tộc Khmer sinh sống trong vùng kinh tế khó khăn nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế, nhất thời phạm tội. Đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xét thấy: Phân trách nhiệm dân sự bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại; trước khi phạm tội, bị cáo là người có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng; tại thời điểm phạm tội ngày 03-12-2022, bị cáo **Chau Sóc K** sinh ngày 26-11-2005 là người dưới 18 tuổi. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng chế định người dưới 18 tuổi phạm tội được quy định tại Chương XII Bộ luật Hình sự đối với bị cáo khi lượng hình.

Tuy nhiên, bị cáo bị xét xử về tội cố ý gây thương tích, hành vi bị cáo thực hiện thuộc khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, có khung hình phạt từ 02 năm đến 06 năm tù, đây là tội phạm nghiêm trọng; ngoài ra, xét về tính chất, mức độ thực hiện tội phạm, hành vi của bị cáo không những trực tiếp xâm phạm sức khỏe của người khác mà còn gây mất trật tự, an toàn xã hội tại địa phương và thể hiện tính côn đồ của bị cáo.

Do đó, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo với bị hại đã thỏa thuận bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho bị hại **S** số tiền 11.500.000 đồng (bút lục 138). Tại phiên tòa, ông **Chau Sóc K1** có lời khai cho rằng, trong quá trình chuẩn bị xét xử ông đã bồi thường thêm cho bị hại số tiền 5.500.000 đồng nhưng không có ai chứng kiến, không lập biên nhận nên không có tài liệu, chứng cứ để cung cấp cho Hội đồng xét xử; bị hại **S** vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận lời trình bày trên của ông **Chau Sóc K1**. Tại phiên tòa, ông **Chau Sóc K1**, bị cáo **Chau Sóc K** đồng ý bồi thường thiệt hại về sức khỏe theo yêu cầu của bị

hại **Lê Văn S** với số tiền 20.000.000 đồng. Xét thấy, việc thỏa thuận bồi thường là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị cáo **Chau Sóc K** tiếp tục bồi thường cho bị hại **Lê Văn S** số tiền 8.500.000 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 lưỡi dao bằng kim loại đã thu giữ trong vụ án là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong hình sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

[8] Về các vấn đề khác: Đối với **Lê Văn S** dùng dao chém trúng vào cổ của **Chau Quít T1** gây thương tích với tỷ lệ 04% là vi phạm pháp luật nhưng **Chau Quít Tha** không yêu cầu xử lý hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thị xã T** không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với **Lê Văn S** là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo **Chau Sóc K** phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo **Chau Sóc K** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 586, 590, 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, bị cáo **Chau Sóc K** bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho bị hại **Lê Văn S** số tiền là 20.000.000 đồng. Xác nhận ông **Chau Sóc K1** (cha đẻ bị cáo **K**) đã bồi thường thay cho bị cáo **Chau Sóc K** số tiền 11.500.000 đồng, bị cáo **Chau Sóc K** còn phải bồi thường tiếp số tiền 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án số tiền nêu trên người phải thi hành án không trả được, thì các bên có quyền thỏa thuận lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nếu các

bên không thỏa thuận được thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy: 01 lưỡi dao bằng kim loại, dài 45cm (Đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 06 tháng 02 năm 2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên).

4. Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Chau Sóc K phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 425.000 đồng (Bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự trong hình sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng cáo của bị hại Lê Văn S, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Chau Quít Tha vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang (1);
- VKSND TX. Tịnh Biên (2);
- Cơ quan CSĐT - Công an TX. Tịnh Biên (1);
- Nhà tạm giữ - Công an TX. Tịnh Biên (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS thị xã Tịnh Biên (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- Người tham gia tố tụng;
- Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phí Thị Phương Nhung

